

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Chế biến Đá tự nhiên Nam Thái Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Công văn số 5572/UBND-CN ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án mở rộng khai thác đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa cho Công ty TNHH Chế biến Đá tự nhiên Nam Thái Sơn;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án mở rộng khai thác đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Chế biến Đá tự nhiên Nam Thái Sơn tại thông báo kết quả thẩm định số 1771/STNMT-BVMT ngày 15/03/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 16/CV-MT ngày 02/4/2021 của Công ty TNHH Chế biến Đá tự nhiên Nam Thái Sơn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 258/Tr-STNMT ngày 16/4/2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án mở rộng khai thác đá vôi làm VLXD thông thường (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Chế biến Đá tự nhiên Nam Thái Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Yên Định, Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Đá tự nhiên Nam Thái Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD**  
**thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh**  
**Hoá của Công ty TNHH Chế biến Đá tự nhiên Nam Thái Sơn**

(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày    /    /2021 của  
 Chủ tịch UBND tỉnh)

### **1. Thông tin dự án**

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Chế biến Đá tự nhiên Nam Thái Sơn.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Chế biến Đá tự nhiên Nam Thái Sơn.

- Đại diện: Ông Nguyễn Hữu Quảng; Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ trụ sở: Số 08 Kiều Đại 1, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá.

- Điện thoại: 0237 3950 159

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất, tuổi thọ của dự án:

- Diện tích khu vực thực hiện dự án: 8,49 ha (gồm: khu vực khai thác có diện tích là 67.000 m<sup>2</sup>; khu vực khai trường có diện tích là 17.900 m<sup>2</sup>); trong đó:

+ Diện tích khu vực mỏ đã cấp phép là: 44.900 m<sup>2</sup>, bao gồm: Diện tích khu vực khai thác là: 27.000 m<sup>2</sup>; diện tích khu vực khai trường là: 17.900 m<sup>2</sup>;

+ Diện tích khu vực khai thác mở rộng là: 40.000 m<sup>2</sup>.

- Công suất: 66.500m<sup>3</sup>/năm.

- Tuổi thọ dự án: 30 năm, trong đó, thời gian xây dựng cơ bản là 04 tháng.

### **2. Các tác động môi trường chính của dự án (giai đoạn khai thác)**

#### **2.1. Quy mô, tính chất của nước thải.**

- Nước thải sinh hoạt từ quá trình vệ sinh, tắm giặt của công nhân với lưu lượng 5,72m<sup>3</sup>/ngày.đêm (nước thải vệ sinh khoảng 3,0 m<sup>3</sup>/ngày; nước rửa tay chân khoảng 2,0m<sup>3</sup>/ngày; nước thải ăn uống khoảng 0,72 m<sup>3</sup>/ngày). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải từ hoạt động xẻ đá khoảng 23 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu bột đá có lẫn trong nước thải...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 19.086 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

#### **2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải.**

- Bụi, khí thải từ các hoạt động khai thác chế biến đá như: Khoan lỗ mìn, nổ mìn; bốc xúc đá sau nổ mìn về bãi tập kết và đất đá thải về khu vực bãi thải; trút đổ đá làm VLXD tại khu vực bãi tập kết và trút đổ đất đá thải tại khu vực

bãi thải; bụi cuốn theo lớp xe trong quá trình vận chuyển; hoạt động của hệ thống nghiền sàng; bốc xúc sản phẩm đi tiêu thụ; đốt dầu DO. Thành phần ô nhiễm chính: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.

#### **2.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường**

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, vỏ chai nhựa, nilon,..., phát sinh khoảng 50 kg/ngày.

- Đất đá thải từ quá trình khai thác chủ yếu là đất đá từ quá trình bóc bỏ lớp phủ phong hóa, đất xen kẹp trong đá với khối lượng với khối lượng 1.340m<sup>3</sup>/năm.

- Chất thải rắn từ quá trình xẻ đá khối, lượng bột đá phát sinh trong quá trình xẻ là 2.485 tấn/năm.

#### **2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại.**

- Dầu thải máy móc phát sinh khoảng 252 lít/đợt thay;

- Chất thải rắn nguy hại bao gồm các thùng phuy, can, vỏ nhựa, giẻ lau dính dầu,... phát sinh khoảng 10,0 kg/tháng.

#### **2.6. Các tác động không liên quan đến chất thải**

- Tác động do nổ mìn: Tác động đến người và công trình, máy móc, thiết bị,... do đá văng trong quá trình nổ mìn. Khoảng cách an toàn đối với người và công trình do song không khí từ hoạt động nổ mìn là  $\geq 369m$ ; do đá văng là  $\geq 300m$ .

- Tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ hoạt động khoan nổ mìn, của các phương tiện vận chuyển, thiết bị khai thác như máy xúc, ô tô vận chuyển, nghiền sàng.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án (giai đoạn khai thác).**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải.**

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ, thoát theo địa hình tự nhiên mỏ. Nước mưa chảy tràn tại khu vực sản công nghiệp được thu gom qua hệ thống rãnh thoát nước hở dài 305m ( $rộng \times cao = 1,0m \times 0,9m$ ), được dẫn về ao lắng có thể tích 1.120m<sup>3</sup>, chia làm 02 ngăn (01 ngăn lắng và 01 ngăn chứa), nước thải sau ngăn chứa chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Định kỳ vạo vét hệ thống rãnh thoát nước và ao lắng với tần suất 01 tháng/lần.

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn (9,0 m<sup>3</sup>), nước thải nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ (2,0 m<sup>3</sup>) qua hệ thống rãnh thu gom về ao lắng 02 ngăn có thể tích 1.120m<sup>3</sup> cùng với nước mưa chảy tràn.

- Nước thải từ quá trình xẻ đá và đánh bóng đá: Nước thải được dẫn về ao lắng 02 ngăn có thể tích 1.120m<sup>3</sup>.

- Nước thải xử lý đạt - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 40:2011/BTNMT (mức B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT (mức B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

#### **3.2. Về xử lý bụi, khí thải.**

- Mỗi dây chuyền nghiền sàng được bố trí hệ thống phun ẩm liên tục trong suốt thời gian vận hành để giảm bụi tại bộ phận cửa tiếp liệu, đập hàm, băng tải và đầu rót sản phẩm.

- Thực hiện phun nước dập bụi trên mặt bằng mỏ để hạn chế bụi trong quá trình bốc, dỡ, đổ đá ở khu vực bãi tập kết và khu vực tuyến tiếp nhận đá, phun nước làm ẩm bề mặt của đá trong quá trình bốc xúc. Tần suất phun nước trung bình là 02 lần/ngày, vào những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất phun nước tăng lên 04 - 06 lần/ngày.

- Phun nước dọc tuyến đường vận chuyển qua các khu vực dân cư bằng xe phun nước dập bụi, với tần suất 02 lần/ngày, vào những ngày khô, hanh tần suất phun nước được tăng cường lên 03 - 04 lần/ngày.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực khai trường; phối hợp với chính quyền địa phương quét dọn, thu gom chất thải rơi vãi trên tuyến đường ngoài mỏ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/2/2014 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Xây dựng nội quy, quy trình cho từng khâu, từng hoạt động trong khai thác như vận hành thiết bị, máy móc...

- Các phương tiện vận tải và máy móc cần phải tuân thủ quy trình kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, có chứng chỉ an toàn kỹ thuật và môi trường; định kỳ bảo dưỡng, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển ra vào khu vực mỏ.

### ***3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.***

- Chất thải sinh hoạt: Trang bị 03 thùng rác composite loại 60 lít tại khu vực khai trường; thu gom hàng ngày và hợp đồng với đơn vị môi trường tại địa phương để thu gom, vận chuyển.

- Đất đá từ quá trình bóc bỏ lớp phủ phong hóa, đất xen kẹp trong đá có khối lượng 1.340m<sup>3</sup>/năm, được lưu giữ tại bãi thải có diện tích 2.000 m<sup>2</sup> (DxRxC = 100m×20m×1m), tường bao xung quanh cao 2m, hàng năm sử dụng để san gạt trồng cây tại các khu vực đã khai thác xong.

- Bột đá trong quá trình sản xuất đá xẻ được tận dụng làm nguyên liệu sản xuất đá base và một phần bán cho các cơ sở thu mua làm nguyên liệu sản xuất gạch không nung.

### ***3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.***

Trang bị thùng phuy có dung tích 200 lít để thu gom dầu thải và lưu giữ trong kho. Thu gom chất thải nguy hại dạng rắn vào 01 thùng phuy có thể tích 200 lít, có dán nhãn và đặt trong xưởng sửa chữa của Công ty. Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

### ***3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn.***

- Giảm thiểu tiếng ồn: Yêu cầu các chủ phương tiện thường xuyên kiểm tra thiết bị đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe máy theo quy định, tránh hoạt động đồng thời để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động như: bông tai, nút tai, kính, mũ...

- Giảm thiểu tác động do nổ mìn: Trước khi tiến hành nổ mìn, di chuyển toàn bộ người, máy móc và phương tiện ra khỏi phạm vi bán kính ít nhất 369m xung quanh vị trí nổ mìn. Tuân thủ các quy định về thời gian, phương pháp nổ mìn và đảm bảo các thiết bị được kiểm định. Thông báo lịch nổ mìn cụ thể cho người dân địa phương.

### ***3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường.***

*a. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện.*

- Đối với khu vực khai thác: Cạy gỡ đá treo; San gạt moong khai thác và trồng cỏ gừng; lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm;

- Đối với khu vực khai trường: Di dời máy móc, thiết bị; Phá dỡ các hạng mục công trình, san gạt mặt bằng khu vực khai trường và trồng cây keo tai tượng Úc;

- Đối với khu vực đường ngoại mỏ: Nạo vét mương thoát nước; Cải tạo đường ngoại mỏ.

*b. Kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường*

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **524.664.054 đồng**;

- Tổng số tiền công ty đã nộp là: **83.302.300 đồng** (Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ được đính kèm tại phụ lục);

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường còn lại công ty phải thực hiện ký quỹ:  $524.664.054 - 83.302.300 = \mathbf{441.361.754 \text{ đồng}}$ ;

- Số lần ký quỹ: 30 lần;

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: **66.204.263 đồng**; Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu thực hiện trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

+ 29 (Hai chín) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: **12.936.465 đồng**; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ bảo vệ Môi trường Thanh Hóa.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

### ***3.7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố môi trường.***

- Sự cố sạt lở moong khai thác: Thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn trong suốt quá trình khai thác mỏ; khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt;

giám sát sự cố sạt lở moong khai thác; khi xảy ra sự cố, di dời người và thiết bị đến nơi an toàn, gia cố khu vực bị sạt lở.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định tại từng khâu sản xuất. Tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động. Khi xảy ra sự cố, kịp thời sơ cứu người bị nạn và đưa đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất, thông báo với các cơ quan chức năng quản lý lao động có liên quan.

#### **4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn khai thác.**

##### ***a. Giám sát chất lượng môi trường không khí.***

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.
- Thông số giám sát: bụi và tiếng ồn, độ rung, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>.
- Vị trí giám sát: 03 vị trí
  - + 01 điểm tại khu vực khai thác;
  - + 01 điểm tại khu vực khai trường;
- Tiêu chuẩn so sánh:
  - + QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
  - + QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, mức tiếp xúc cho phép độ rung tại nơi làm việc;
  - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
  - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
  - + QCVN 02:2019/BYT - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
  - + QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

##### ***b. Giám sát chất lượng nước thải.***

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.
- Thông số giám sát: pH; BOD<sub>5</sub>; COD, Chất rắn lơ lửng; Amoni (tính theo N); Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm đầu ra tại mương thoát nước sau ao lắng.
  - Quy chuẩn áp dụng:
    - + QCVN 40:2011/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
    - + QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt./.